

Số: 87/2020/QĐST- HNGĐ

Yên Mô, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 135/2020/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Văn B

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Khánh L, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2009 và cháu Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2012 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K mỗi tháng, mỗi cháu là 1.000.000đ (Một

triệu đồng) kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Phạm Khánh L và cháu Nguyễn Hoàng B1 đủ tuổi thành niên.

Anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Phạm Khánh L và cháu Nguyễn Hoàng B1 được chung sống với chị K. Anh B có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị K và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị K có đơn đề nghị thi hành án anh B không nộp số tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Văn B đều thống nhất thỏa thuận vợ chồng tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Phạm Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí chị Phạm Thị K phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002361 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Y;
- CCTHADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND Yên TT Y
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa